

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 210/2024/DS-ST

Ngày 10 – 9 – 2024

V/v tranh chấp Hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Đoàn Thị Sim.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lữ Tân Thiên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 309/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, về việc “Tranh chấp hụi” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1991 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn T (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hằng N (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D như sau:**

Do có mối quan hệ quen biết nên trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến ngày 29/11/2023 âm lịch (AL), vợ chồng bà Nguyễn Hằng N, ông Nguyễn Văn T nhiều lần tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi và còn nợ tiền hụi của bà cụ thể:

Dây hụi mở vào ngày 09/02/2022 âm lịch, hụi trị giá 5.000.000 (năm triệu) đồng, gồm 40 phần hụi, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 09 và ngày 24 AL; bà N, ông T tham gia 01 phần hụi số thứ tự 12 trong danh sách hụi với tên là AC 3 Triệu (khô); dây hụi này bỏ hốt với số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, số tiền hụi hốt được là 158.700.000 (một trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm nghìn) đồng và bà đã giao đủ số tiền hụi nêu trên, có chữ ký nhận tiền của bà Nguyễn Hằng N vào sổ hụi. Dây hụi đã mãn vào ngày 24/8/2023AL, ông T, bà N đã đóng hụi chết được 32 lần, còn nợ 08 lần chưa đóng. tổng cộng anh, chị 3 T1 còn nợ lại bà số tiền nợ hụi là: 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Dây hụi mở vào ngày 29/11/2023AL, hụi có trị giá 2.000.000 (hai triệu) đồng,

hụi gồm có 36 phần hụi, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 29AL hàng tháng, bà N, ông T1 tham gia 01 phần hụi ở số thứ tự 11 giấy hụi với tên là Chị 3 Triệu. Vào kỳ bỏ hụi đầu tiên vào ngày 29/11/2023AL, bà N đã bỏ hụi với giá bỏ là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng; số tiền hụi được hốt là 49.500.000 (bốn mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng và bà đã giao đủ một lần số tiền hụi nêu trên, có chữ ký nhận tiền của bà Nguyễn Hằng N vào trong sổ hụi. Dây hụi này tính đến ngày 15/5/2024 AL đã chết được 11 lần; ông T1, bà N mới chỉ đồng cho bà được 04 lần, còn lại 07 lần tương đương với số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng đến nay vẫn chưa đóng. Dây hụi này hiện nay vẫn đang hoạt động.

Như vậy, đến ngày 15/5/2024, vợ chồng bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn T còn nợ bà số tiền tổng cộng là 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng.

Đối với dây hụi mệnh giá 2.000.000 (hai triệu) đồng mở vào ngày 29/11/2023AL, dự kiến đến ngày 15/5/2025AL sẽ kết thúc. Số tiền hụi mà bà N, ông T còn phải đóng cho bà trong dây hụi này là: 24 lần đóng x 2.000.000 đồng/lần đóng = 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử, giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà số tiền nợ tổng cộng là 54.000.000 (năm mươi bốn triệu) đồng tính đến ngày 15/5/2024 al và yêu cầu Tòa án xem xét buộc vợ chồng bà Nguyễn Hằng N và ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà số tiền nợ hụi chết trong dây hụi trị giá 2.000.000 (hai triệu) đồng, mở vào ngày 29/11/2023AL với số tiền còn lại phải đóng là 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) cho đến khi mãn hụi (ngày 15/5/2025AL).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà N trả cho bà tổng cộng tiền nợ hụi của 02 dây hụi trên là 102.000.000 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N không tham dự, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D thuộc lĩnh vực tranh chấp hụi; ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N là bị đơn, có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không tham dự phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

[3.1] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng bị đơn có tham gia 02 chân hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N đã bỏ thăm hốt hụi, nguyên đơn đã chung hụi đầy đủ, cụ thể dây

hội mệnh giá 5.000.000 đồng, giao tiền hội ngày 09/3/2022 với số tiền 158.700.000 đồng; dây hội mệnh giá 2.000.000 đồng, giao tiền hội ngày 29/11/2023 với số tiền 49.500.000 đồng. Các giấy giao tiền hội do bà N ký xác nhận. Từ khi hốt hội đến nay, bị đơn đã đóng hội chết đôi với dây hội 5.000.000 đồng được 23 lần, còn nợ 08 lần bằng 40.000.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng, bị đơn đóng hội chết được 05 lần, còn nợ 31 lần bằng số tiền 62.000.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hội, ông T, bà N còn nợ bà D 102.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận chơi hội giữa bà D, với ông T, bà N là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn đã tham gia hội và đã hốt hội, nguyên đơn đã giao tiền hội đầy đủ (có biên nhận của các lần giao tiền hội). Bị đơn đã hốt hội thì phải có nghĩa vụ đóng tiền hội đầy đủ theo các kỳ mở hội đã quy định, nhưng quá trình tham gia đóng hội, bị đơn đóng hội không đầy đủ. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biêu, phường quy định về nghĩa vụ của thành viên tham gia hội "*c) Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác*". Căn cứ vào điều luật viện dẫn trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hội, do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền nợ hội cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Bà Nguyễn Thị D cho rằng ông T, bà N tham gia 02 dây hội còn nợ bà với số tiền là 102.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp lời khai, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*2. Dương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*" do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 102.000.000 đồng tiền nợ hội chưa góp. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa. Nguyên đơn cho rằng dây hội mở ngày 09/02/2022 al, bị đơn đã hốt hội tại kỳ mở hội lần thứ 3 ngày 09/3/2022 al, nguyên đơn đã giao tiền hội cho bị đơn ngày 09/3/2022 al, dây hội mẫn vào ngày 24/8/2023al, quá trình góp hội, bị đơn còn nợ 08 lần bằng số tiền 40.000.000 đồng; đối với dây hội mở ngày 29/11/2023, hội mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hội này bị đơn đã hốt hội và nguyên đơn đã giao tiền hội cho bị đơn ngày 29/11/2023al, đến ngày 15/5/2024al dây hội đã mở được 11 kỳ, bị đơn mới góp được 04 lần, chưa góp 07 kỳ. Do bị đơn đã vi phạm thời hạn góp, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán đến khi mẫn hội là ngày 15/5/2025al với số tiền chưa góp đến kỳ mẫn hội là 31 lần bằng 62.000.000 đồng là phù hợp. Tổng cộng 02 dây hội, bị đơn còn nợ tiền hội của nguyên đơn là 102.000.000 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 102.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ tiền hui là 102.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 143, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phùng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền hui là: 102.000.000 đồng (Một trăm lên hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Hằng N phải nộp số tiền là 5.100.000 đồng (chưa nộp).

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí. Ngày 25 tháng 6 năm 2024, bà D nộp 2.550.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003637, bà Nguyễn Thị D được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình

